

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH HÀ NỘI
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 582/QĐ-TMDL

Hà Nội, ngày 05 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giảm 70% học phí học kỳ I năm học 2025 - 2026
đối với học sinh, sinh viên Cao đẳng khoá 15, 16 và Trung cấp khoá 59**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 5689/2008/QĐ - BGDDT ngày 01/9/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội trên cơ sở trường Trung học Thương mại và Du lịch Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1670/2022/QĐ - UBND ngày 17/05/2022 của UBND Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội;

Căn cứ Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 612/QĐ - UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc về việc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư 05/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 06 năm 2023 ban hành danh mục ngành, nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 252/QĐ - TMDL ngày 01/08/2023 về việc công nhận thí sinh trúng tuyển nhập học đợt 1 năm 2023; Quyết định số 293/QĐ - TMDL ngày 05/09/2023 về việc công nhận thí sinh trúng tuyển nhập học đợt 2 năm 2023; Quyết định số 492/QĐ - TMDL ngày 14/11/2023 về việc công nhận thí sinh trúng tuyển nhập học đợt 3 năm 2023; Căn cứ Quyết định số 177/QĐ - TMDL ngày 02/5/2024 về việc công nhận thí sinh trúng tuyển nhập học đợt 1 năm 2024; Quyết định số 339/QĐ - TMDL ngày 08/08/2024 về việc công nhận thí sinh trúng tuyển nhập học đợt 2 năm 2024; Quyết định số 453/QĐ - TMDL ngày 27/9/2024 về việc công nhận thí sinh trúng tuyển nhập học đợt 3 năm 2024; Quyết định số 563/QĐ - TMDL ngày 13/11/2024 về việc công nhận thí sinh trúng tuyển nhập học đợt 4 năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 486, 487 và 488/QĐ-TMDL ngày 25/9/2025 của Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội về việc xét điều kiện sinh viên được học tiếp, cảnh báo học tập và buộc thôi học Hệ Cao đẳng khóa 15, 16 và Hệ Trung cấp khóa 59 học kỳ I năm học 2025 -2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác học sinh - sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giảm 70% học phí học kỳ I (05 tháng) năm học 2025 - 2026 đối với: 298 học sinh, sinh viên Cao đẳng khoá 15,16 và Trung cấp khóa 59, trong đó:

- Cao đẳng khóa 15 có:
 - + 127 sinh viên thuộc đối tượng nghề nặng nhọc, độc hại.
 - + 03 sinh viên là người dân tộc thiểu số – xã khu vực III.
 - + 05 sinh viên là người dân tộc thiểu số – thôn đặc biệt khó khăn.
- Cao đẳng khóa 16 có:
 - + 158 sinh viên thuộc đối tượng nghề nặng nhọc, độc hại.
 - + 01 sinh viên là người dân tộc thiểu số – xã khu vực III.
 - + 02 sinh viên là người dân tộc thiểu số – thôn đặc biệt khó khăn.
- Trung cấp khóa 59 có
 - + 02 học sinh thuộc đối tượng nghề nặng nhọc, độc hại.

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Trưởng phòng Công tác học sinh - sinh viên, các đơn vị liên quan, GVCN/CVHT và các em học sinh, sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- BGH (để báo cáo);
- Như điều 2 (để thực hiện);
- Lưu VT, CT HSSV.

HIỆU TRƯỞNG 



Trịnh Thị Thu Hà

DANH SÁCH DỰ KIẾN HỌC SINH, SINH VIÊN CAO ĐẲNG KHÓA 16 VÀ TRUNG CẤP KHÓA 59
ĐƯỢC GIẢM 70% HỌC PHÍ HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2025 - 2026
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 582/QĐ - TMDL, ngày 05 tháng 11 năm 2025)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Mức thu học phí/tháng	Mức thu được thực hiện để tính giảm/tháng	Số được giảm/tháng theo ND238	Số tháng	Thành tiền được hưởng/kỳ	Số tài khoản	Tên ngân hàng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	CB16003	Đinh Đỗ Hoàng Anh	12/06/2004	KTCB16A	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	0819358882	MB Bank	
2	CB16048	Trương Hữu Đức Anh	06/02/2006	KTCB16A	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	0358918941	MB Bank	
3	CB16027	Nguyễn Thế Bạch	02/09/2006	KTCB16A	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	0867061519	MB Bank	
4	CB16044	Bùi Văn Đức	05/09/2006	KTCB16A	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	0866483685	MB Bank	
5	CB16049	Hoàng Việt Dũng	10/05/2006	KTCB16A	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	0976921984	MB Bank	
6	CB16018	Nguyễn Tấn Dũng	30/09/2006	KTCB16A	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	182248886	MB Bank	
7	CB16047	Hà Đức Duy	04/04/2006	KTCB16A	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	0374137762	MB Bank	
8	CB16045	Phùng Văn Duy	05/10/2006	KTCB16A	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	0862485128	MB Bank	
9	CB16010	Lê Minh Hải	31/08/1999	KTCB16A	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	0822594498	MB Bank	
10	CB16070	Nguyễn Hoàng Hải	14/10/2006	KTCB16A	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	0334549506	MBBank	
11	CB16023	Nguyễn Thanh Hằng	17/06/2005	KTCB16A	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	0906904058	MB Bank	
12	CB16017	Nguyễn Thái Hậu	21/01/2006	KTCB16A	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	9369909270	Vietcombank	
13	CB16016	Phạm Văn Hiền	29/08/2006	KTCB16A	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	0965595297	MB Bank	
14	CB16029	Phạm Thanh Hòa	25/03/2006	KTCB16A	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	0344079497	MBBank	
15	CB16013	Vũ Huy Hoàng	27/09/2006	KTCB16A	nghề nặng nhọc độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	0347168262	MB Bank	
16	CB16036	Bùi Mạnh Hùng	08/08/2006	KTCB16A	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	1000008082006	MB Bank	
17	CB16005	Bùi Mai Hương	19/11/2005	KTCB16A	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	0399629635	MB Bank	

11/11/2025

18	CB16001	Hoàng Văn Huy	25/10/2005	KTCB16A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2.323.600	1.700.000	1.190.000	5	5.950.000	0394115836	MIB Bank	
19	CB16042	Xà Quang Khai	08/01/2006	KTCB16A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2.323.600	1.700.000	1.190.000	5	5.950.000	0373779681	MIB Bank	
20	CB16006	Nguyễn Mai Tùng Lâm	13/08/2003	KTCB16A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2.323.600	1.700.000	1.190.000	5	5.950.000	1234130803	Techcombank	
21	CB16009	Cù Ngọc Bảo Long	24/04/2004	KTCB16A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2.323.600	1.700.000	1.190.000	5	5.950.000	0979316100	MIB Bank	
22	CB16032	Đặng Thanh Long	25/04/2006	KTCB16A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2.323.600	1.700.000	1.190.000	5	5.950.000	0399335430	MIB Bank	
23	CB16020	Nguyễn Công Nam	11/04/2006	KTCB16A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2.323.600	1.700.000	1.190.000	5	5.950.000	0358375055	MIB Bank	
24	CB16022	Nguyễn Thị Kim Ngân	24/10/2006	KTCB16A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2.323.600	1.700.000	1.190.000	5	5.950.000	0339039258	MIB Bank	
25	CB16026	Trần Văn Vũ Ngọc	20/11/2006	KTCB16A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2.323.600	1.700.000	1.190.000	5	5.950.000	0001115531312	MIB Bank	
26	CB16031	Nguyễn Ngọc Nguyễn	11/04/2006	KTCB16A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2.323.600	1.700.000	1.190.000	5	5.950.000	0355969253	MIB Bank	
27	CB16039	Mai Văn Nguyễn	12/10/2006	KTCB16A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2.323.600	1.700.000	1.190.000	5	5.950.000	0981573060	MIB Bank	
28	CB16035	Nguyễn Tấn Phát	28/11/2006	KTCB16A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2.323.600	1.700.000	1.190.000	5	5.950.000	08888281198	MIB Bank	
29	CB16073	Nguyễn Tấn Phát	03/05/2006	KTCB16A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2.323.600	1.700.000	1.190.000	5	5.950.000	0000179215306	MIB Bank	
30	CB16041	Trần Tuấn Phong	11/03/2006	KTCB16A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2.323.600	1.700.000	1.190.000	5	5.950.000	0853078128	MIB Bank	
31	CB16028	Nguyễn Thanh Phú	05/06/2006	KTCB16A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2.323.600	1.700.000	1.190.000	5	5.950.000	927017828	MIB Bank	
32	CB16015	Nguyễn Thị Mai Phương	07/05/2006	KTCB16A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2.323.600	1.700.000	1.190.000	5	5.950.000	0393653336	MIB Bank	
33	CB16007	Phạm Mạnh Quang	05/02/2005	KTCB16A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2.323.600	1.700.000	1.190.000	5	5.950.000	0393653336	MIB Bank	
34	CB16008	Bùi Minh Thanh	18/01/2004	KTCB16A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2.323.600	1.700.000	1.190.000	5	5.950.000	0917226618	MIB bank	
35	CB16043	Đinh Bảo Thanh	25/12/2006	KTCB16A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2.323.600	1.700.000	1.190.000	5	5.950.000	0866950893	MIB bank	
36	CB16021	Dương Thị Thanh	11/07/1990	KTCB16A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2.323.600	1.700.000	1.190.000	5	5.950.000	90907118990	MIB Bank	
37	CB16012	Phạm Phương Thảo	12/10/2005	KTCB16A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2.323.600	1.700.000	1.190.000	5	5.950.000	0000186714450	MIB Bank	
38	CB16040	Nguyễn Bà Thơ	26/08/2006	KTCB16A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2.323.600	1.700.000	1.190.000	5	5.950.000	0389356354	MIB Bank	
39	CB16091	Nguyễn Việt Tiến	26/08/2006	KTCB16A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2.323.600	1.700.000	1.190.000	5	5.950.000	0384000753	MIB Bank	
40	CB16019	Phạm Tiến Tới	09/04/2006	KTCB16A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2.323.600	1.700.000	1.190.000	5	5.950.000	0327729180	MIB Bank	
41	CB16038	Đặng Thanh Trà	20/04/2006	KTCB16A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2.323.600	1.700.000	1.190.000	5	5.950.000	0879152684	MIB Bank	
42	CB16024	Trần Nguyễn Huyền Trang	25/09/2006	KTCB16A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2.323.600	1.700.000	1.190.000	5	5.950.000	25092006121021	MIB bank	
43	CB16046	Nguyễn Thông Văn	20/10/2006	KTCB16A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2.323.600	1.700.000	1.190.000	5	5.950.000	0979375280	MIB bank	

44	CB16034	Lý Khánh Vinh	18/08/2006	KTCB16A	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	0869839873	Mbbank
45	CB16037	Phạm Minh Vũ	17/09/2006	KTCB16A	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	7717092006666	MB Bank
46	CB16025	Nguyễn Ngọc Như Ý	31/08/2006	KTCB16A	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2024	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000		
47	CB16077	Lê Hoàng Anh	08/10/2005	KTCB16B	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	20514102005	MB bank
48	CB16060	Nguyễn Mai Anh	09/09/2006	KTCB16B	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	0333 565 906	MB Bank
49	CB16058	Phí Diệu Anh	02/08/2006	KTCB16B	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	0353 972 069	MB Bank
50	CB16051	Trần Quốc Anh	27/03/2004	KTCB16B	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	0355 690 100	MB Bank
51	CB16002	Nguyễn Thị Vân Anh	17/04/2004	KTCB16B	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	17041232004999	MB Bank
52	CB16078	Triệu Văn Chung	05/02/2004	KTCB16B	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	0397 415 295	MB Bank
53	CB16080	Chu Tiến Đạt	11/11/2006	KTCB16B	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	00879 71111 2006	MB Bank
54	CB16101	Phạm Thành Đạt	15/10/2006	KTCB16B	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000		
55	CB16055	Phan Công Đạt	27/04/2006	KTCB16B	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	90823111	MB Bank
56	CB16097	Hoàng Kim Đông	11/05/2006	KTCB16B	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	9811 052 006	MB Bank
57	CB16085	Bùi Minh Đức	07/08/2006	KTCB16B	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	0338980382	MB Bank
58	CB16075	Lê Khả Dũng	23/07/2006	KTCB16B	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	0989 219 872	MB Bank
59	CB16095	Trần Nho Dương	02/05/2006	KTCB16B	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	2122 8122 006	MB Bank
60	CB16056	Vũ Thị Hương Giang	28/12/2006	KTCB16B	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	89999 90705 2006	MB Bank
61	CB16096	Hạng Quang Hải	04/03/1999	KTCB16B	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	6546 231 999	MB Bank
62	CB16082	Nguyễn Văn Hiệp	08/09/2006	KTCB16B	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	0376 517 118	MB Bank
63	CB16084	Nguyễn Minh Hiếu	28/12/2005	KTCB16B	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	0310281225	MB Bank
64	CB16094	Phạm Văn Hiếu	27/11/2006	KTCB16B	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	0368 839 591	MB Bank
65	CB16093	Nguyễn Xuân Hoàng	29/04/2006	KTCB16B	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	0977 747 225	MB Bank
66	CB16088	Nguyễn Mạnh Hùng	08/02/2006	KTCB16B	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	0001051680004	MB Bank
67	CB16065	Nguyễn Duy Hưng	25/01/2006	KTCB16B	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	0867035961	MB Bank
68	CB16071	Nguyễn Văn Huy	21/05/2005	KTCB16B	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	0339334414	MB Bank
69	CB16099	Nguyễn Trung Kiên	06/10/2006	KTCB16B	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	1051163575	vietcombank

70	CB16089	Lê Hữu Linh	09/10/2006	KTCB16B	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2.323.600	1.700.000	1.190.000	5	5.950.000	0586539397	MIB Bank	
71	CB16180	Hàng Quang Long	18/03/1998	KTCB16B	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2.323.600	1.700.000	1.190.000	5	5.950.000	1014465447	Vietcombank	
72	CB16067	Nguyễn Tiến Long	05/06/2004	KTCB16B	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2.323.600	1.700.000	1.190.000	5	5.950.000	0367457922	MIB Bank	
73	CB16072	Vũ Văn Nam	25/09/2006	KTCB16B	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2.323.600	1.700.000	1.190.000	5	5.950.000	225092006888	MIB Bank	
74	CB16068	Phạm Văn Ngọc	30/12/2003	KTCB16B	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2029	2.323.600	1.700.000	1.190.000	5	5.950.000	0336896838	MIB Bank	
75	CB16098	Phạm Thị Thủy Ninh	04/03/2006	KTCB16B	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2.323.600	1.700.000	1.190.000	5	5.950.000	0000424342728	MIB Bank	
76	CB16086	Châu Văn Quân	03/06/2006	KTCB16B	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2.323.600	1.700.000	1.190.000	5	5.950.000	0389726698	MIB Bank	
77	CB16069	Nguyễn Minh Quang	14/04/2006	KTCB16B	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2.323.600	1.700.000	1.190.000	5	5.950.000	0362 690 506	MIB Bank	
78	CB16057	Đỗ Ngọc Quý	17/07/2006	KTCB16B	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2.323.600	1.700.000	1.190.000	5	5.950.000	4860763007569	MIB Bank	
79	CB16100	Nguyễn Văn Quyền	03/08/2006	KTCB16B	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2.323.600	1.700.000	1.190.000	5	5.950.000			
80	CB16103	Lê Thanh Tiếp	10/09/2006	KTCB16B	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2.323.600	1.700.000	1.190.000	5	5.950.000	357298906	MIB Bank	
81	CB16087	Nguyễn Anh Tuấn	16/11/2006	KTCB16B	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2.323.600	1.700.000	1.190.000	5	5.950.000	0862704616	MIB Bank	
82	CB16063	Nguyễn Danh Tuấn	10/05/2006	KTCB16B	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2.323.600	1.700.000	1.190.000	5	5.950.000	0965189590	MIB Bank	
83	CB16059	Nguyễn Đình Tuấn	22/11/2006	KTCB16B	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2.323.600	1.700.000	1.190.000	5	5.950.000	200 611 368	MIB Bank	
84	CB16092	Lưu Văn Tuyên	19/04/2006	KTCB16B	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2.323.600	1.700.000	1.190.000	5	5.950.000	0336 992 762	MIB Bank	
85	CB16081	Bùi Khắc Vũ	22/07/2006	KTCB16B	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2.323.600	1.700.000	1.190.000	5	5.950.000	10720 39816 8381	MIB Bank	
86	CB16143	Nguyễn Cai Anh	16/12/2006	KTCB16C	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2.323.600	1.700.000	1.190.000	5	5.950.000			
87	CB16107	Nguyễn Văn Biển	10/02/2006	KTCB16C	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2.323.600	1.700.000	1.190.000	5	5.950.000	0368803390	MIB bank	
88	CB16120	Nguyễn Hải Đăng	02/04/2006	KTCB16C	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2.323.600	1.700.000	1.190.000	5	5.950.000			
89	CB16133	Đặng Hoàng Đạt	10/11/2006	KTCB16C	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2.323.600	1.700.000	1.190.000	5	5.950.000	0973408714	MIB Bank	
90	CB16137	Uông Ngọc Đăng	16/07/2006	KTCB16C	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2.323.600	1.700.000	1.190.000	5	5.950.000	19073302891018	techcombank	
91	CB16110	Nguyễn Thị Hồng Đức	25/12/2003	KTCB16C	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2.323.600	1.700.000	1.190.000	5	5.950.000			
92	CB16136	Phạm Phú Đức	10/03/2006	KTCB16C	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2.323.600	1.700.000	1.190.000	5	5.950.000	8823193273	BIDV	
93	CB16139	Lê Tùng Dương	07/05/2005	KTCB16C	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2.323.600	1.700.000	1.190.000	5	5.950.000	0332652305	MIB Bank	
94	CB16119	Nguyễn Hồng Dương	20/03/2006	KTCB16C	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2.323.600	1.700.000	1.190.000	5	5.950.000	0334529054	TP BANK	
95	CB16123	Đặng Lê Duy	27/10/2006	KTCB16C	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2.323.600	1.700.000	1.190.000	5	5.950.000	88882710069999	MIB Bank	

96	CB16127	Hoàng Trọng Hiền	15/04/1997	KTCB16C	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	1028137065	vietcombank
97	CB16135	Lê Đình Hiếu	10/08/2006	KTCB16C	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	0335357525	Mb bank
98	CB16121	Nguyễn Việt Huân	11/04/2006	KTCB16C	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	939104112006	Techcombank
99	CB16130	Lê Đức Huy	20/05/2005	KTCB16C	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000		
100	CB16126	Dương Quốc Khánh	09/02/2005	KTCB16C	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000		
101	CB16134	Nguyễn Đình Khanh	18/04/2006	KTCB16C	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	19073350421015	Techcombank
102	CB16128	Trần Hữu Minh Kiên	28/08/2006	KTCB16C	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	818095074	MB Bank
103	CB16141	Bùi Tuấn Kiệt	23/04/2006	KTCB16C	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	2248128106	LP Bank
104	CB16124	Mai Xuân Linh	21/04/2006	KTCB16C	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	1045930794	VCB back
105	CB16138	Trần Văn Lộc	14/06/2002	KTCB16C	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	0591000420593	VCB
106	CB16150	Nguyễn Đức Long	12/10/2005	KTCB16C	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	392779883	mbank
107	CB16140	Ninh Việt Mạnh	02/09/2006	KTCB16C	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	0378853648	MB Bank
108	CB16131	Hà Đức Minh	19/06/2006	KTCB16C	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	0352705269	MB Bank
109	CB16167	Nguyễn Bá Nam	09/12/2006	KTCB16C	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	6620612092006	MB Bank
110	CB16104	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	08/01/2005	KTCB16C	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	19073219935011	techcombank
111	CB16118	Nguyễn Đức Phong	20/04/2006	KTCB16C	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	20042006444	Tp bank
112	CB16122	Nguyễn Đức Thanh Quang	15/05/2006	KTCB16C	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000		
113	CB16111	Nguyễn Như Quyết	09/04/2006	KTCB16C	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	0971656670	MB Bank
114	CB16105	Trần Quang Thái	16/06/2006	KTCB16C	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000		
115	CB16132	Trịnh Công Thành	28/04/2006	KTCB16C	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	0367043474	MB Bank
116	CB16108	Vũ Phương Thảo	25/10/2005	KTCB16C	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000		
117	CB16154	Bé Thị Thúy	01/02/2005	KTCB16C	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	0366702335	mb bank
118	CB16142	Lê Thị Phương Trà	04/09/2006	KTCB16C	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	86666660409206	MB Bank
119	CB16129	Nguyễn Quỳnh Trang	03/03/2006	KTCB16C	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	8803147152	BIDV
120	CB16146	Nguyễn Ngọc Tú	13/12/2003	KTCB16C	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000		
121	CB16152	Phạm Trường Vũ	18/10/2006	KTCB16C	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	2,323,600	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000		

122	MA 59002	Nguyễn Duy Hùng	03/12/2006	NCB 59A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,928,400	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000			
123	MA 59001	Nguyễn Việt Duy	30/11/2005	NCB 59A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,928,400	1,700,000	1,190,000	5	5,950,000	00697904568386	MB Bank	
124	HD16043	Quách Trường An	26/07/2006	HDDL 16A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,580,000	1,700,000	1,106,000	5	5,530,000	26260702062006	mb	
125	HD16042	Đặng Ngọc Anh	15/05/1996	HDDL 16A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,580,000	1,700,000	1,106,000	5	5,530,000	3510906683	BIDV	
126	HD16006	Hoàng Thị Phương Anh	04/01/2006	HDDL 16A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,580,000	1,700,000	1,106,000	5	5,530,000	0964580381	MB Bank	
127	HD16008	Vũ Hồng Ánh	02/12/2006	HDDL 16A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,580,000	1,700,000	1,106,000	5	5,530,000	318837359999	MB Bank	
128	HD16072	Lương Tuấn Bách	14/05/2006	HDDL 16A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,580,000	1,700,000	1,106,000	5	5,530,000	88034273896	MB Bank	
129	HD16050	Lê Thị Chi	15/12/2005	HDDL 16A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,580,000	1,700,000	1,106,000	5	5,530,000	5702555555	Techcombank	
130	HD16028	Nguyễn Thị Chi	06/08/2006	HDDL 16A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,580,000	1,700,000	1,106,000	5	5,530,000			
131	HD16007	Phạm Kiều Chinh	08/07/2006	HDDL 16A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,580,000	1,700,000	1,106,000	5	5,530,000	9973861902	9973861902	
132	HD16032	Lưu Minh Chung	16/08/2006	HDDL 16A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,580,000	1,700,000	1,106,000	5	5,530,000			
133	HD16023	Phạm Anh Đức	12/10/2005	HDDL 16A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,580,000	1,700,000	1,106,000	5	5,530,000	77719999999	MB	
134	HD16045	Mai Tiến Dũng	16/07/2004	HDDL 16A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,580,000	1,700,000	1,106,000	5	5,530,000			
135	HD16020	Vũ Đình Duy	29/10/2006	HDDL 16A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,580,000	1,700,000	1,106,000	5	5,530,000			
136	HD16027	Đinh Mỹ Duyên	28/07/2006	HDDL 16A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,580,000	1,700,000	1,106,000	5	5,530,000	107882653795	Vietinbak	
137	HD16075	Nguyễn Thế Hải	11/01/2002	HDDL 16A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,580,000	1,700,000	1,106,000	5	5,530,000	0037585825	MB Bank	
138	HD16031	Phạm Vũ Thanh Hằng	13/08/2006	HDDL 16A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,580,000	1,700,000	1,106,000	5	5,530,000	0948527008	MB Bank	
139	HD16009	Nguyễn Mạnh Hùng	08/04/2006	HDDL 16A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,580,000	1,700,000	1,106,000	5	5,530,000	800000080406	MB Bank	
140	HD16049	Đinh Thị Thu Hương	08/04/2005	HDDL 16A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,580,000	1,700,000	1,106,000	5	5,530,000	9684869999	Techcombank	
141	HD16029	Nguyễn Duy Huy	07/01/2006	HDDL 16A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,580,000	1,700,000	1,106,000	5	5,530,000			
142	HD16025	Đào Thị Minh Huyền	13/10/2006	HDDL 16A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,580,000	1,700,000	1,106,000	5	5,530,000			
143	HD16017	Vũ Mạnh Khải	06/12/2006	HDDL 16A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,580,000	1,700,000	1,106,000	5	5,530,000			
144	HD16004	Bùi Trung Hoàng Lộc	29/12/2003	HDDL 16A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,580,000	1,700,000	1,106,000	5	5,530,000	333033336666	Techcombank	
145	HD16034	Lê Thị Phương Mai	16/07/2006	HDDL 16A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,580,000	1,700,000	1,106,000	5	5,530,000	0945371676	MB bank	
146	HD16016	Nguyễn Thế Nam	21/08/2004	HDDL 16A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,580,000	1,700,000	1,106,000	5	5,530,000	0857166116	MB Bank	
147	HD16044	Lỗ Thủy Ngân	21/05/2005	HDDL 16A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,580,000	1,700,000	1,106,000	5	5,530,000			

DANH SÁCH SINH VIÊN CAO ĐẲNG KHÓA 15
ĐƯỢC GIẢM 70% HỌC PHÍ HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2025 - 2026
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 582/QĐ - TMDL, ngày 05 tháng 11 năm 2025)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Mức thu học phí/tháng	Mức thu được thực hiện để tính giảm/tháng	Số được giảm/tháng theo ND238	Số tháng	Thành tiền được hưởng/kỳ	Số tài khoản	Tên ngân hàng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	CB15042	Phan Quốc Anh	17/10/2005	KTCB 15A	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	1040111314	Vietcombank	
2	CB15024	Triệu Tuấn Anh	24/09/2005	KTCB 15A	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	103880922650	Viettinbank	
3	CB15012	Bùi Ngọc Ánh	20/09/2005	KTCB 15A	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	0961741536	MB bank	
4	CB15025	Vương Quốc Cường	20/08/2004	KTCB 15A	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	0377372528	MB bank	
5	CB15028	Hoàng Quang Đạo	30/07/2005	KTCB 15A	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	0392327990	MB bank	
6	CB15054	Vũ Thành Đạt	18/06/2005	KTCB 15A	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	60365581025	TP bank	
7	CB15026	Chu Thị Phương Diễm	29/07/2005	KTCB 15A	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	0962674327	MB bank	
8	CB15044	Nguyễn Đức Đồng	08/11/2005	KTCB 15A	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	0828928285	MB bank	
9	CB15045	Đặng Duy Đức	03/02/2005	KTCB 15A	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	866620059999	MB bank	
10	CB15034	Lê Chí Dưỡng	03/05/2004	KTCB 15A	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	1036343848	Vietcombank	
11	CB15001	Khổng Đức Duy	02/05/2003	KTCB 15A	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600			
12	CB15041	Nguyễn Hà Duy	17/04/2005	KTCB 15A	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	0866079346	MB bank	
13	CB15018	Đỗ Lê Giang	11/05/2005	KTCB 15A	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	1105200505	Techcombank	
14	CB15021	Phan Minh Hiếu	05/03/2004	KTCB 15A	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	51510000641289	BIDV	

15	CB15060	Đỗ Đức Hoàn	18/11/2005	KTCB 15A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	00004613151	TP bank	
16	CB15038	Bùi Huy Hoàng	21/09/2005	KTCB 15A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	0375780092	MB bank	
17	CB15019	Nguyễn Thị Thảo Hương	27/03/2005	KTCB 15A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	270320051415	VIP bank	
18	CB15007	Nguyễn Sỹ Minh Khai	30/01/2004	KTCB 15A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	0356839511	MB bank	
19	CB15055	Ngô Trung Kiên	20/04/2005	KTCB 15A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	20042005555	TP bank	
20	CB15013	Nguyễn Văn Mạnh	26/02/2004	KTCB 15A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	1022365902	Vietcombank	
21	CB15008	Nguyễn Tuấn Nghĩa	17/10/2002	KTCB 15A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	1400205613679	Agribank	
22	CB15046	Bùi Ánh Ngọc	23/02/2005	KTCB 15A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	0911771156	MB bank	
23	CB15011	Lê Quốc Phi	12/07/2004	KTCB 15A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	1024086734	Vietcombank	
24	CB15032	Nguyễn Văn Phúc	14/10/2005	KTCB 15A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	9398706476	Vietcombank	
25	CB15031	Trần Thị Như Quỳnh	14/07/2005	KTCB 15A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	00003609189	TP bank	
26	CB15030	Hà Trường Sinh	24/12/2005	KTCB 15A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	41424122005	MB bank	
27	CB15002	Phạm Văn Sơn	02/07/2001	KTCB 15A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	61888116868	MB bank	
28	CB15006	Trần Việt Thái	04/01/2000	KTCB 15A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	0342628254	MB bank	
29	CB15047	Nguyễn Chí Thắng	23/06/2005	KTCB 15A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	1040112399	Vietcombank	
30	CB15020	Đào Huyền Thương	04/06/2005	KTCB 15A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	0372309163	MB bank	
31	CB15049	Nguyễn Hữu Tiến	05/04/2005	KTCB 15A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	1044171076	Vietcombank	
32	CB15009	Nguyễn Thu Trang	30/08/1999	KTCB 15A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	1038498084	Vietcombank	
33	CB15022	Trần Thu Trang	23/08/2005	KTCB 15A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	08899571230805	MB bank	
34	CB15036	Trương Quốc Triệu	23/12/2004	KTCB 15A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	0328722190	MB bank	
35	CB15039	Hoàng Anh Tú	03/05/2005	KTCB 15A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	7889898888	Techcombank	
36	CB15027	Trương Thanh Tú	20/09/2005	KTCB 15A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	0364039718	MB bank	

37	CB15068	Nguyễn Tuấn Anh	16/12/2005	KTCB 15B	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	0964390140	MB bank
38	CB15095	Vương Đình Bắc	30/11/2004	KTCB 15B	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	1031707068	Vietcombank
39	CB15124	Phạm Duy Chung	05/12/2005	KTCB 15B	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	222005679999	MB bank
40	CB15078	Bùi Công Đại	05/09/2005	KTCB 15B	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	9005092005	Techcombank
41	CB15109	Dương Văn Đại	20/09/2005	KTCB 15B	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	209200588888	Techcombank
42	CB15071	Nguyễn Công Danh	04/01/2004	KTCB 15B	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	1043589015	Vietcombank
43	CB15100	Nguyễn Học Đạt	25/12/2004	KTCB 15B	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	838688888866	Techcombank
44	CB15099	Nguyễn Tiến Đạt	14/6/2005	KTCB 15B	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	9366960014	Vietcombank
45	CB15064	Nguyễn Trung Đoàn	16/03/2005	KTCB 15B	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	1045938512	Vietcombank
46	CB15094	Vũ Trung Đoàn	04/02/2005	KTCB 15B	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	1044152253	Vietcombank
47	CB14114	Nguyễn Hữu Hải	08/07/2004	KTCB 15B	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	0347894200	MB bank
48	CB14154	Phạm Văn Hành	24/9/2004	KTCB 15B	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	1048671490	Vietcombank
49	CB15096	Nguyễn Hữu Hiền	22/02/2005	KTCB 15B	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	9358220205	Vietcombank
50	CB15112	Trịnh Duy Hiếu	23/11/2005	KTCB 15B	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	19072058188011	Techcombank
51	CB15093	Phạm Ngọc Hoan	05/02/2005	KTCB 15B	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	23540502200555	MB bank
52	CB15084	Vũ Việt Hoàng	02/02/2005	KTCB 15B	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	0357368377	MB bank
53	CB15110	Vũ Thị Huệ	18/12/2005	KTCB 15B	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	1044308253	Vietcombank
54	CB15105	Nguyễn Thu Hương	04/02/2005	KTCB 15B	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	0397623602	MB bank
55	CB15069	Trần Thị Thanh Huyền	06/03/2005	KTCB 15B	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	1044308205	Vietcombank
56	CB15076	Nguyễn Văn Kết	27/01/2005	KTCB 15B	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	555270105	MB bank
57	CB15072	Chu Văn Kiên	16/10/2005	KTCB 15B	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	0977705095	Vietcombank
58	CB14032	Nguyễn Văn Lợi	29/01/2004	KTCB 15B	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	9356086610	Vietcombank

T
: 01
: 01
JNC
OU
A P
★

59	CB15070	Trình Văn Minh	21/12/2004	KTCB 15B	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	0967868376	MB bank	
60	CB15075	Phạm Hoài Nam	19/11/2005	KTCB 15B	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	1044020655	Vietcombank	
61	CB15074	Dặng Thị Thuý Nga	12/06/2005	KTCB 15B	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	1040112001	Vietcombank	
62	CB15114	Hoàng Thu Phương	17/12/2005	KTCB 15B	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	1043896028	Vietcombank	
63	CB14042	Phạm Đức Phương	23/06/2004	KTCB 15B	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	61123062004	MB bank	
64	CB15120	Trình Thị Thanh Phương	19/09/2005	KTCB 15B	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	0359846383	MB bank	
65	CB15091	Nguyễn Văn Quang	17/07/2005	KTCB 15B	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	1044151990	Vietcombank	
66	CB15079	Vương Xuân Sang	09/01/2004	KTCB 15B	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	1030595318	Vietcombank	
67	CB 15062	Giảng Tú Sơn	06/03/2003	KTCB 15B	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	101876725957	Vietinbank	
68	CB15092	Tô Hồng Thái	06/06/2004	KTCB 15B	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	0365665727	MB bank	
69	CB15115	Nguyễn Thế Thanh	08/08/2005	KTCB 15B	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	0848603434	MB bank	
70	CB15087	Lê Thu Thảo	03/04/2005	KTCB 15B	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	1035383818	Vietcombank	
71	CB15119	Nguyễn Thị Thuý	06/05/2003	KTCB 15B	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	0375534195	MB bank	
72	CB15065	Lê Quang Toàn	17/11/2004	KTCB 15B	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	0377946151	MB bank	
73	CB15116	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	29/08/2005	KTCB 15B	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	105879638122	Vietinbank	
74	CB15059	Lê Quốc Trung	15/06/2005	KTCB 15B	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	0399781350	MB bank	
75	CB15085	Nguyễn Quang Trung	11/12/2004	KTCB 15B	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	1040116338	Vietcombank	
76	CB15088	Nguyễn Văn Trường	28/11/2005	KTCB 15B	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	028112588888	MB bank	
77	CB15113	Lê Ngọc Tuấn	14/02/2005	KTCB 15B	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	1044152462	Vietcombank	
78	CB15057	Nguyễn Xuân Tùng	17/05/2005	KTCB 15B	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	1046256809	Vietcombank	
79	CB15077	Hoàng Minh Vũ	18/10/2005	KTCB 15B	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	66412688	MB bank	
80	CB15165	Trình Văn An	03/06/2005	KTCB 15C	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	0987599438	MB bank	

81	CB15145	Nguyễn Thị Anh	25/07/2005	KTCB 15C	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	626868682005	MB bank
82	CB15168	Nguyễn Việt Anh	25/07/2005	KTCB 15C	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	1225072005	MB bank
83	CB15133	Trịnh Đức Quang Anh	16/01/2002	KTCB 15C	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	0868156548	Vietinbank
84	CB 15160	Hạng Quang Bình	29/12/2004	KTCB 15C	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	2012200433333	MB bank
85	CB15189	Bùi Thanh Bằng	03/10/2005	KTCB 15C	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	3004003102005	Agribank
86	CB15153	Trần Cơ	30/12/2005	KTCB 15C	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	530122005	MB bank
87	CB15144	Ngô Tiến Đạt	21/11/2005	KTCB 15C	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	8840927615	BIDV
88	CB15158	Bùi Tấn Dũng	09/06/2005	KTCB 15C	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	838609062005	MB bank
89	CB15141	Khuất Thị Giang	07/09/2004	KTCB 15C	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	4511254913	BIDV
90	CB15163	Phạm Quang Hanh	10/03/2005	KTCB 15C	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	1220369591758	MB bank
91	CB15150	Chu Hữu Hiệp	08/01/2005	KTCB 15C	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	00382263099	MB bank
92	CB15130	Nghiêm Xuân Hiếu	25/12/2004	KTCB 15C	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	0000889283495	MB bank
93	CB15126	Mai Đức Hưng	13/08/2005	KTCB 15C	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	0981441592	MB bank
94	CB15174	Nguyễn Lan Hương	15/12/2005	KTCB 15C	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	2215122005	MB bank
95	CB15146	Phạm Thị Bích Hương	24/01/2005	KTCB 15C	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	0977819760	MB bank
96	CB15136	Nguyễn Quang Huy	02/09/2005	KTCB 15C	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	096867676799	MB bank
97	CB15140	Nguyễn Tuấn Huy	12/05/2005	KTCB 15C	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	1205070809	MB bank
98	CB15170	Bùi Minh Khuê	05/07/2005	KTCB 15C	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	8890004556	BIDV
99	CB15134	Ngô Thị Khánh Linh	08/02/2005	KTCB 15C	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	0325180326	MB bank
100	CB15162	Nguyễn Phương Linh	30/10/2005	KTCB 15C	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	3353074045	Techcombank
101	CB15172	Trần Văn Long	10/02/2005	KTCB 15C	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	0795219407	MB bank
102	CB15151	Đinh Thanh Nam	10/08/2005	KTCB 15C	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	66610082005	TP bank

103	CB15166	Lê Hoài Nam	30/09/2005	KTCB 15C	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	0982712005	MB bank	
104	CB15139	Hoàng Chính Nguyễn	02/05/2005	KTCB 15C	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	0968213387	MB bank	
105	CB15125	Đào Tiến Nhật	21/04/2005	KTCB 15C	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	1040158957	Vietcombank	
106	CB15132	Nguyễn Phương Ninh	05/02/2004	KTCB 15C	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	1037551347	Vietcombank	
107	CB15188	Đinh Văn Phong	23/02/2005	KTCB 15C	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	300466639666	Agribank	
108	CB15171	Trần Hồng Phương	03/02/2005	KTCB 15C	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	8386322005	MB bank	
109	CB 15195	Nguyễn Thị Tú Phương	16/05/2004	KTCB 15C	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	1046256470	Vietcombank	
110	CB15137	Nguyễn Văn Quyết	24/12/2005	KTCB 15C	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	8004024122005	MB bank	
111	CB15156	Nguyễn Thái Sơn	28/12/2004	KTCB 15C	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	0342873950	MB bank	
112	CB15155	Viết Ngọc Thạch	13/10/2005	KTCB 15C	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	100155753	Eximbank	
113	CB15176	Trần Quốc Thái	14/09/2005	KTCB 15C	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	89614092005	MB bank	
114	CB15131	Bùi Đức Thắng	02/11/2005	KTCB 15C	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	8302112005	MB bank	
115	CB15184	Nguyễn Thị Tuyết Thanh	10/10/2004	KTCB 15C	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	0337832004	MB bank	
116	CB15154	Nguyễn Quang Trường	06/08/2005	KTCB 15C	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	0868163832	MB bank	
117	CB15135	Trần Thị Tô Uyên	04/05/2004	KTCB 15C	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	0385856447	MB bank	
118	CB15187	Hà Thuý Vân	15/11/2005	KTCB 15C	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	3004515112005	Agribank	
119	CB15180	Nguyễn Quang Vinh	04/01/2004	KTCB 15C	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,335,600	1,700,000	934,920	5	4,674,600	9904012004	Vietcombank	
120	HD15002	Cao Văn Chiến	24/08/2002	HDDL 15A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,526,400	1,700,000	1,068,480	5	5,342,400	9367883386	Vietcombank	
121	HD15016	Vũ Ngọc Cường	27/05/2004	HDDL 15A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,526,400	1,700,000	1,068,480	5	5,342,400	0377152320	Tienphongbank	
122	HD15014	Hà Thị Trương Diệu	11/03/2005	HDDL 15A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,526,400	1,700,000	1,068,480	5	5,342,400	1043234261	Vietcombank	
123	HD15003	Nguyễn Thị Giang	16/02/2005	HDDL 15A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,526,400	1,700,000	1,068,480	5	5,342,400	0944416205	MB bank	
124	HD15010	Phạm Thị Mỹ Hằng	07/08/2005	HDDL 15A	Nghề năng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,526,400	1,700,000	1,068,480	5	5,342,400	0878323143	MB bank	

125	HD15001	Đào Tuyết Mai	12/07/2005	HDDL 15A	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,526,400	1,700,000	1,068,480	5	5,342,400	0379405924	MB bank	
126	HD15005	Nguyễn Minh Ngọc	18/06/2005	HDDL 15A	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,526,400	1,700,000	1,068,480	5	5,342,400	30301862005	MB bank	
127	HD15011	Trần Đức Việt	27/02/2005	HDDL 15A	Nghề nặng nhọc, độc hại theo TT05/2023	1,526,400	1,700,000	1,068,480	5	5,342,400	0342663604	MB bank	
128	KS 15035	Đặng Châu Anh	27/12/2005	QTKS 15A	DT Dao - thôn ĐBK	1,526,400	1,700,000	1,068,480	5	5,342,400	0819128321	MB Bank	
129	KS 15102	Cao Hồ Sứ	28.8.2004	QTKS 15B	DT Hà Nhi - xã KVIII	1,526,400	1,700,000	1,068,480	5	5,342,400	222228084444	Techcombank	
130	DL15017	Bùi Duy Nam	24/03/2005	QTDL 15A	DT Mường - thôn ĐBK	1,621,800	1,700,000	1,135,260	5	5,676,300	0968684063	MB bank	
131	DL 15016	Đinh Thị Lệ	17/03/2005	QTDL 15A	DT Hře - thôn ĐBK	1,621,800	1,700,000	1,135,260	5	5,676,300	0389814728	MB Bank	
132	KD 15061	Hà Thị Luyến	07/12/2005	QTKD 15A	DT Mường - xã KVIII	1,356,800	1,360,000	949,760	5	4,748,800	0000837397175	MB bank	
133	KD15016	Lê Thị Khuê	15/08/2003	QTKD 15A	DT Tây - thôn ĐBK	1,356,800	1,360,000	949,760	5	4,748,800	1033222205	Vietcombank	
134	KD15106	Giảng Thị Lua	25/07/2005	QTKD 15B	DT Mông - xã KVIII	1,356,800	1,360,000	949,760	5	4,748,800	70422920096916257	MB bank	
135	KD 15115	Lục Thị Hòa	19/05/2005	QTKD 15B	DT Tây - thôn ĐBK	1,356,800	1,360,000	949,760	5	4,748,800	00001121953	TP bank	
										640,049,200			

Bảng chữ: Sáu trăm bốn mươi triệu, không trăm bốn mươi chín nghìn hai trăm đồng./.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Chúc

Nguyễn Thị Thanh Chúc



